

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Pên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

2. Ông Lê Văn Hoàng.

- Thư ký Pên tòa: Ông Phạm Văn Hoàng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia Pên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2023/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về vụ việc: “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn Pên tòa số: 60/2024/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Hồng P, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số 37, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N có mặt. Ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 29/9/2014 bà và ông P đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn T, xã T, huyện Đ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó từ năm 2021 thì thường phát sinh mâu thuẫn lại không hợp nhau vì tư tưởng cũng như

cách sống, ông P thường xuyên chửi bới, đả đập bà. Đến năm 2021 thì bà cùng hai con là cháu Nguyễn Văn Á, sinh ngày 05/4/2013 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/3/2020 về nhà mẹ bà tại xã N sinh sống cho đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không ai còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với ông P nên bà yêu cầu ly hôn ông P.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Á, sinh ngày 05/4/2013 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/3/2020. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị N yêu cầu nuôi 02 con chung cháu Nguyễn Văn Á, sinh ngày 05/4/2013 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/3/2020 cho đến ngày thành niên. Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Văn Hồng P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Theo bị đơn ông Nguyễn Văn Hồng P thì:

Ông P không trình bày ý kiến gì nộp cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về Pên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia Pên hợp và hòa giải cho ông P. Tòa án tiến hành tổng đạt kết quả về Pên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia Pên tòa cho ông P. Tiến hành tiến hành tổng đạt quyết định hoãn Pên tòa, giấy triệu tập tham gia Pên tòa cho ông P nhưng ông P không có ý kiến gì.

* Tòa án đã tiến hành Pên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được vì ông P vắng mặt.

Tại Pên tòa hôm nay, nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại Pên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, xử cho bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn Hồng P ly hôn.

Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị N nuôi 02 con chung cháu Nguyễn Văn Á, sinh ngày 05/4/2013 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/3/2020 cho đến ngày con chung thành niên. Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Văn Hồng P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn Hồng P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại Pên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn Hồng P đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến Pên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Hồng P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông P là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ ngày 29/9/2014. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, mặc dù đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bà N không sống chung với ông P từ năm 2021 cho đến nay. Mạnh ai nấy sống, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau và không có trách nhiệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2021, bà N đưa hai con về ở xã N sinh sống cho đến nay. Trong quá trình giải quyết Tòa án triệu tập ông P để hòa giải và tại Pên tòa hôm nay ông P vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện ông P không có thiện chí níu kéo cuộc hôn nhân giữa ông P và bà N. Xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông P tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông P là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông P và bà N có 02 con chung cháu Nguyễn Văn Á, sinh ngày 05/4/2013 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/3/2020. Hiện nay cháu Á và cháu T đang ở với bà N. Do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu học hành, phát triển bình thường. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi 02 con chung. Ông P cũng không có ý kiến gì nộp cho Toà án. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Á ở với bà N nên cần giao cháu Á và cháu T cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, xử bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn Hồng P ly hôn.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị N nuôi con chung cháu Nguyễn Văn Á, sinh ngày 05/4/2013 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/3/2020 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị N đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014447 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Văn Hồng P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

- CC THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Ủy ban nhân dân xã T,
huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
(Số 96/2014, ngày
29/9/2014;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Vũ